

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC X - HƯNG YÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 18/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 22 - 8 - 2025

Về việc: Chị Trần Thị V xin

ly hôn anh Trần Ngọc K

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - HƯNG YÊN

*** Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Hoàng Thị Phụng.

Ông Hoàng Văn Đức.

*** Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Kim - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Hưng Yên.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Hưng Yên tham gia phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Thanh Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 22/8/2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 99/2025/TLST-HNGĐ ngày 16/6/2025 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/8/2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Trần Thị V**, sinh năm 1982; nơi thường trú: Thôn DT, xã VT, tỉnh Hưng Yên (trước đây là: Thôn DT, xã DN, huyện VT, tỉnh Thái Bình); nơi ở hiện tại: Số nhà 38B, Ngõ 8 HT, xã VT, tỉnh Hưng Yên (trước đây là: Số nhà 38B, Ngõ 8 HT, thị trấn Vũ Thư, huyện VT, tỉnh Thái Bình). (vắng mặt)

- *Bị đơn:* Anh **Trần Ngọc K**, sinh năm 1977; nơi thường trú: Thôn DT, xã VT, tỉnh Hưng Yên (trước đây là: Thôn DT, xã DN, huyện VT, tỉnh Thái Bình). (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/6/2025 và trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị V trình bày:***

Chị và anh Trần Ngọc K tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 21/4/2006 tại UBND xã DN, huyện VT, tỉnh Thái Bình (sau sát nhập là UBND xã VT, tỉnh Hưng Yên). Sau kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2007 thì xảy ra mâu thuẫn do anh K không quan tâm đến vợ con, không có trách nhiệm với gia đình. Năm 2017, do mâu thuẫn càng tăng, chị đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở, chị và anh K sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ từ đó đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn, chị cương quyết xin ly hôn anh K.

Chị và anh Trần Ngọc K có hai con chung là Trần Ngọc Minh T và Trần Ngọc Minh H, đều sinh ngày 09/02/2007 (sinh đôi), hiện ở cùng chị. Hai con chung của anh chị hiện đã đủ 18 tuổi, sức khỏe tốt, tự lập được cuộc sống, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về nuôi con chung.

Chị và anh Trần Ngọc K không có tài sản chung, không đi vay, không cho ai vay nợ chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về chia tài sản chung.

Chị đề nghị Tòa án không hòa giải và xét xử vắng mặt chị, chị tự nguyện chịu cả tiền án phí ly hôn sơ thẩm (phần của chị và phần của anh K nếu anh K phải chịu).

**** Tại biên bản lấy lời khai đề ngày 30/7/2025, bị đơn anh Trần Ngọc K trình bày:***

Về thời gian, thủ tục, điều kiện kết hôn, thời điểm xảy ra mâu thuẫn, thời gian sống ly thân giữa anh và chị Trần Thị V, anh K trình bày như chị V đã khai. Về nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn, theo anh là do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính cách không hòa hợp. Nay chị V xin ly hôn anh, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, vì con nên anh không muốn ly hôn nhưng do chị V vẫn cương quyết xin ly hôn anh, do đó, anh đồng ý như theo đơn của chị V, anh thuận tình ly hôn.

Anh và chị Trần Thị V có hai con chung là Trần Ngọc Minh T và Trần Ngọc Minh H, đều sinh ngày 09/02/2007 (sinh đôi), đang ở cùng với chị V. Hai

con chung của anh chị đều đã trên 18 tuổi, mạnh khỏe, tự lập được cuộc sống, do đó, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về nuôi con chung.

Anh và chị Trần Thị V không có tài sản chung, không có nợ chung, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về chia tài sản chung.

Anh đề nghị Tòa án không hòa giải và xét xử vắng mặt anh. Nếu chị Trần Thị V tự nguyện chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm cho anh, anh đồng ý.

*** *Tại biên bản lấy lời khai đề ngày 30/7/2025, bà Nguyễn Thị C (mẹ đẻ chị Trần Thị V) trình bày:***

Chị V và anh K đăng ký kết hôn năm 2006. Về mâu thuẫn giữa anh chị là do anh K không quan tâm và không có trách nhiệm với gia đình, vợ con. Khi anh chị xảy ra mâu thuẫn, gia đình đã phân tích, hòa giải nhưng không có kết quả. Từ năm 2017 đến nay, chị V đưa hai con về ở cùng nhà với gia đình bà, anh K không đến tìm vợ, con về và chấm dứt mọi liên hệ với bà và gia đình bà. Nay chị V xin ly hôn anh K, bà đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn để chị V ổn định tư tưởng, ổn định cuộc sống, yên tâm làm ăn, nuôi dạy các con.

Chị V và anh K có hai con chung là Trần Ngọc Minh T và Trần Ngọc Minh H, đều sinh ngày 09/02/2007 (sinh đôi). Hai cháu đều đã đủ 18 tuổi, sức khỏe tốt, tự lập được cuộc sống.

Theo bà được biết, chị V và anh K không có tài sản chung. Anh chị không có nghĩa vụ chung về tài sản liên quan đến bà và gia đình bà.

*** *Tại biên bản lấy lời khai đề ngày 30/7/2025, ông Trần Ngọc Th (bố đẻ anh Trần Ngọc K) trình bày:***

Chị V và anh K đăng ký kết hôn năm 2006 tại UBND xã DN, huyện VT, tỉnh Thái Bình (cũ). Từ năm 2017 đến nay, do cuộc sống chung không hạnh phúc, chị V đã đưa con về nhà ngoại ở. Nay chị V xin ly hôn anh K, việc ly hôn do anh chị quyết định, gia đình ông không can thiệp.

Chị V và anh K có hai con chung là Trần Ngọc Minh T và Trần Ngọc Minh H, đều sinh ngày 09/02/2007 (sinh đôi). Hiện hai cháu đã trưởng thành, khỏe mạnh và đang sống cùng chị V.

Về tài sản chung của anh chị, theo ông được biết là không có. Anh chị không có nghĩa vụ chung về tài sản liên quan đến ông và gia đình ông.

**** Tại biên bản xác minh đề ngày 30/7/2025, đại diện UBND xã VT, tỉnh Hưng Yên cung cấp:***

Chị V và anh K đăng ký kết hôn năm 2006 tại UBND xã DN, huyện VT, tỉnh Thái Bình (sau sát nhập là UBND xã VT, tỉnh Hưng Yên). Anh chị có hai con chung là Trần Ngọc Minh T và Trần Ngọc Minh H, đều sinh ngày 09/02/2007 (sinh đôi). Nay chị V xin ly hôn anh K, về hôn nhân và về con chung của anh chị, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Chị V và anh K không nợ chung đối với các tổ chức, đoàn thể tại địa phương.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Hưng Yên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:***

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự, Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn thực hiện đúng một phần quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 55 của Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, các Điều 24, 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội: Xử công nhận thuận tình ly hôn cho chị V và anh K. Không đặt ra giải quyết về nuôi con chung và chia tài sản chung. Chấp nhận việc chị V tự nguyện nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Chị Trần Thị V khởi kiện xin ly hôn anh Trần Ngọc K, anh K có nơi thường trú tại xã VT, tỉnh Hưng Yên (trước đây là thôn DT, xã DN, huyện VT,

tỉnh Thái Bình), căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là vụ án về “Ly hôn”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Hưng Yên.

[1.2] Tại Tòa án, chị Trần Thị V và anh Trần Ngọc K đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục vắng mặt chị V và anh K.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Trần Thị V và anh Trần Ngọc K kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã DN, huyện VT, tỉnh Thái Bình (sau sát nhập là UBND xã VT, tỉnh Hưng Yên) vào ngày 21/4/2006 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 12, quyển số 01, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống giữa anh chị đã xảy ra mâu thuẫn, về nguyên nhân chính, theo chị V là do anh K không quan tâm, không có trách nhiệm với gia đình, vợ con, về phía anh K cho rằng anh chị bất đồng quan điểm và tính cách không hòa hợp. Khi mâu thuẫn xảy ra, anh chị không có biện pháp giải quyết dứt điểm dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và anh chị đã sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ từ năm 2017 đến nay. Nay chị V và anh K đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn, chị V xin ly hôn, anh K đồng ý thuận tình ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị V và anh K là có, hôn nhân giữa anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 51, Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử cần xử chấp nhận cho chị V và anh K được thuận tình ly hôn.

[2.2] Về nuôi con chung: Chị Trần Thị V và anh Trần Ngọc K có hai con chung là Trần Ngọc Minh T và Trần Ngọc Minh H, đều sinh ngày 09/02/2007 (sinh đôi). Xét thấy: Cả hai con chung của anh chị đều đã thành niên (đủ 18 tuổi), sức khỏe tốt, tự lập được cuộc sống, anh chị không có yêu cầu, Hội đồng xét xử không giải quyết.

[2.3] Về chia tài sản chung: Chị Trần Thị V và anh Trần Ngọc K đều thống nhất trình bày anh chị không có tài sản chung, không có nghĩa vụ chung về tài sản, anh chị không yêu cầu, Hội đồng xét xử không giải quyết.

[2.4] Về án phí: Chị Trần Thị V và anh Trần Ngọc K thuận tình ly hôn trước khi mở phiên tòa nên anh chị phải chịu 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Xét việc chị V chấp nhận chịu cả tiền án phí ly hôn sơ thẩm (phần của chị và phần của anh K phải chịu) là tự nguyện, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.5] Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị V và anh Trần Ngọc K có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Trần Thị V và anh Trần Ngọc K được thuận tình ly hôn.

2. Về nuôi con chung: Chị Trần Thị V và anh Trần Ngọc K có hai con chung là Trần Ngọc Minh T và Trần Ngọc Minh H, đều sinh ngày 09/02/2007 (sinh đôi). Hai con chung của anh chị đều đã thành niên (đủ 18 tuổi), sức khỏe tốt, tự lập được cuộc sống, anh chị không có yêu cầu, Hội đồng xét xử không giải quyết.

3. Về chia tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị V tự nguyện chịu cả án phí ly hôn sơ thẩm, số tiền phải chịu là 150.000 đồng. Đối trừ với số tiền 300.000 đồng chị V đã nộp tạm ứng án phí, như vậy, chị V được nhận lại số tiền 150.000 đồng tại Biên lai số 0000577 đề ngày 11/6/2025 tại Cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện VT, tỉnh Thái Bình (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5 - Hưng Yên).

5. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị V và anh Trần Ngọc K có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 Hưng Yên;
- Cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên;
- UBND xã VT, tỉnh Hưng Yên (Giấy CNKH số 12, quyển số 01, ngày 21/4/2006 tại UBND xã DN, huyện VT, tỉnh Thái Bình - địa chỉ phường/xã trước sát nhập);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thùy Dương

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thùy Dương